

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	QUYẾT TOÁN NĂM 2022	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5921 262 000	10,130,173,954	171.08
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	145,000,000	346,340,680	238.86
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2,237,700,000	2,543,312,774	113.66
3	Thu bổ sung			
	- Thu bổ sung cân đối	3,538,562,000	6,803,278,500	192.26
	- Thu bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn		431,897,349	
5	Kết dư ngân sách		5,344,651	
II	TỔNG SỐ CHI	5,921,262,000	10,130,173,954	171.08
1	Chi đầu tư phát triển	2,000,000,000	4,857,902,920	242.90
2	Chi thường xuyên	3,921,262,000	5,272,271,034	134.45

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	I	2	3	4	5=3/I	6=4/2
	TỔNG THU	5,921,262,000	5,921,262,000	10,130,173,954	10,130,173,954	171.1	171.1
I	Các khoản thu 100%	145,000,000	145,000,000	346,340,680	346,340,680	238.9	238.9
	Phí, lệ phí	10,000,000	10,000,000		16,309,000		80.0
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	115,000,000	115,000,000		322,031,680		100.0
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	10,000,000	10,000,000		8,000,000		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				0		
	Thu khác	10,000,000	10,000,000				75.0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2,237,700,000	2,237,700,000	2,980,554,774	2,980,554,774	133.2	133.2
1	Các khoản thu phân chia			0			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	79,000,000	79,000,000		142,170,660		15.4
	- Thuế TNCN	23,300,000	23,300,000		107,496,950		
	- Thuế GTGT	54,400,000	54,400,000		125,222,938		8.5
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11,000,000	11,000,000		7,500,000		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	70,000,000	70,000,000		88,767,726		20.0
2	Thu tiền sử dụng đất	2,000,000,000	2,000,000,000		2,072,154,500		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				431,897,349		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				5,344,651		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3,538,562,000	3,538,562,000	6,803,278,500	6,803,278,500	192.3	192.3
	- Thu bổ sung cân đối	3,538,562,000	3,538,562,000		3,538,562,000	77.6	
	- Thu bổ sung có mục tiêu				3,264,716,500		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6		8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	5 921 262 000	2 000 000 000	3 921 262 000	10 130 173 954	4 857 902 920	5 272 271 034	171. 1	242.90	134.45
	<i>Trong đó</i>									
1	Ban quốc phòng	213 324 000		213 324 000	192 538 651		192 538 651	46. 6		46.60
2	Chi an ninh trật tự	96 640 000		96 640 000	84 407 500		84 407 500	48. 7		87.34
3	Chi giáo dục	1 012 000 000	1 000 000 000	12 000 000	397 833 000	397 833 000				
4	Chi ứng dụng chuyên giao công nghệ	19 600 000		19 600 000	26 152 000		26 152 000			
5	Chi y tế	12 000 000		12 000 000						
5	Chi văn hóa, thông tin	34 000 000		34 000 000	22 226 410		22 226 410	37. 3		65.37
6	Chi phát thanh, truyền thanh	34 324 000		34 324 000	33 187 480		33 187 480	45. 2		96.69
7	Chi thể dục thể thao	5 000 000		5 000 000	0		0	. 0		0.00
8	Chi bảo vệ môi trường	19 500 000		19 500 000	1 502 234 920	1 502 234 920		22. 2		0.00
9	Sự nghiệp giao thông	1 040 789 000	1 000 000 000	40 789 000	1 593 978 600	1 500 000 000	93 978 600			
10	Chi các hoạt động kinh tế							47. 0		#DIV/0!
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3 098 599 000		3 098 599 000	4 184 065 181	1 457 835 000	2 726 230 181	41. 4	1.7	87.98
12	Chi cho công tác xã hội	253 013 000		253 013 000	1 399 949 631		1 399 949 631	55. 2		553.31
13	Các hội khác	6 000 000		6 000 000				29. 2		0.00
14	Chi khác									#DIV/0!
15	Dự phòng ngân sách	76 473 000		76 473 000						

16	Chi chuyển nguồn sang 2022				693 600 581		693 600 581	#DIV/0!		
----	----------------------------	--	--	--	-------------	--	-------------	---------	--	--